ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

MÔN:THỰC TẬP MẠNG MÁY TÍNH

BÁO CÁO BÀI TẬP TUẦN 8

Access List

Lớp: 09HCA

Họ tên : Võ Huỳnh Đan

MSSV : 0941037

Bài làm:

1. Mô hình thực hiện :

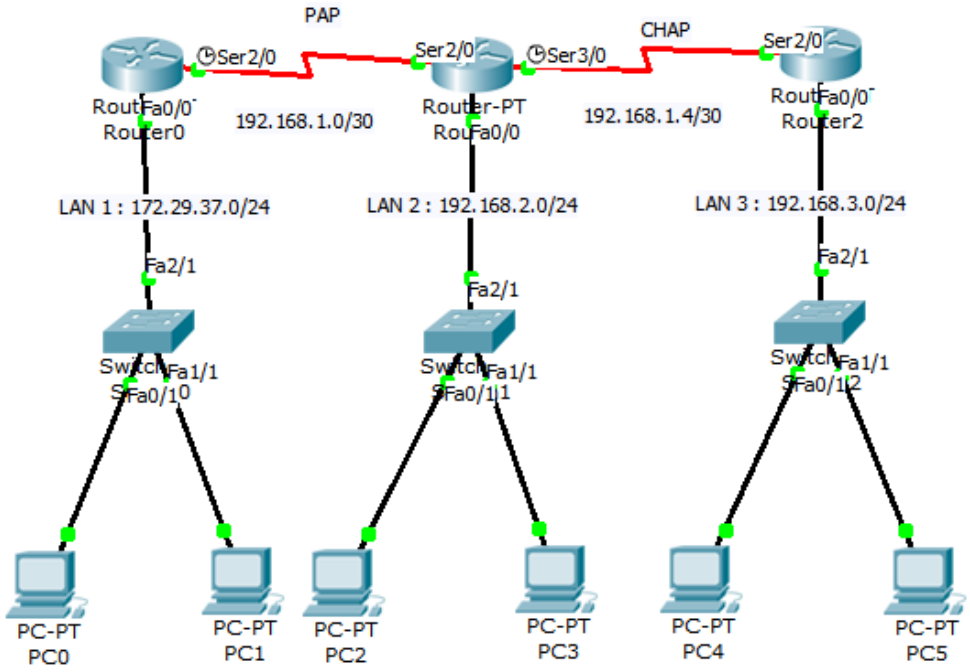

2. Access-list dạng số

a. Access-List dạng standard

Áp dụng 1 :

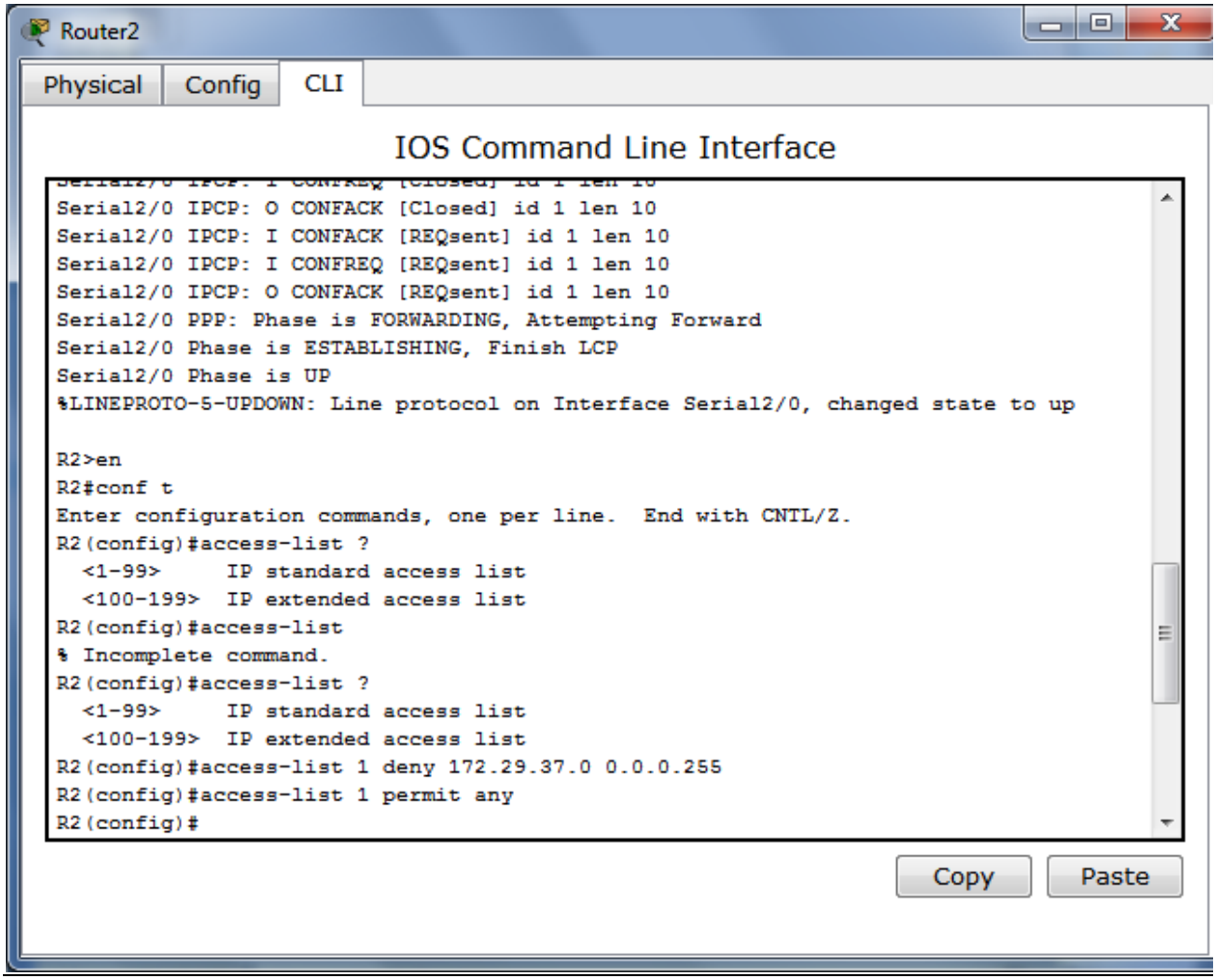

Cấm các máy thuộc đường mạng 172.29.37.0/24, cho phép các máy còn lại

Áp dụng access-list này vào cổng Fa0/0 của R2, hướng out

```
R2#conf t
Enter configuration commands, one per line.  End with CNTL/Z.
R2(config)#int f0/0
R2(config-if)#ip access-group 1 out
R2(config-if)#exit
R2(config)#
```

Thử nghiệm ping từ PC0, PC1 tới PC4 và PC5 đều thất bại

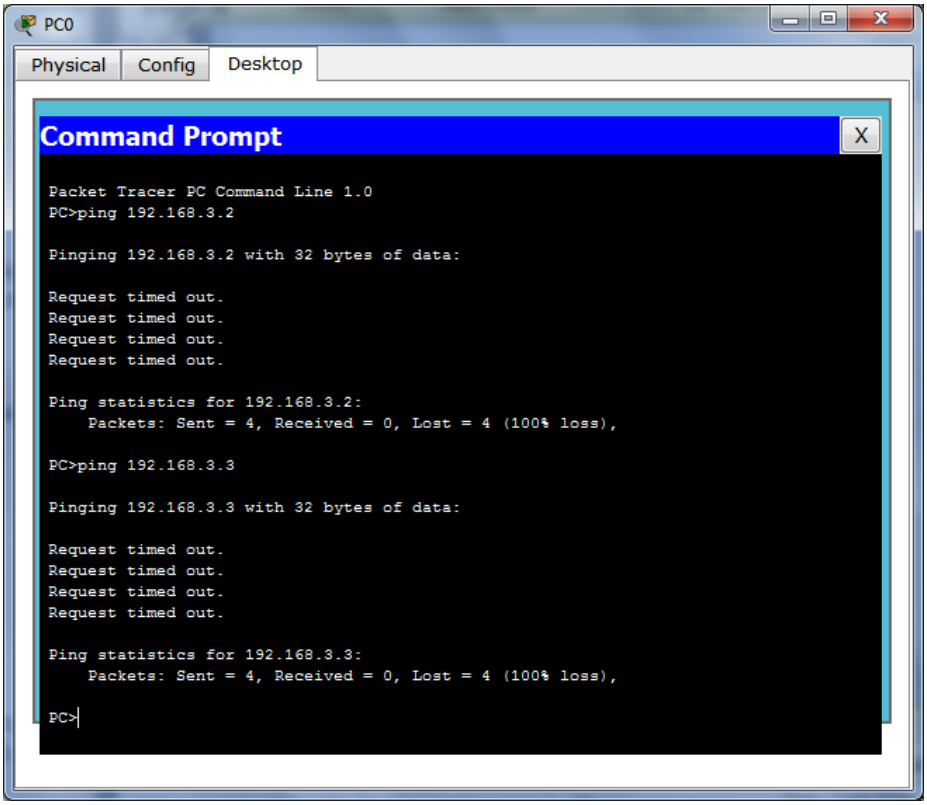
PC0
Physical
Config
Desktop
Command Prompt
X
Packet Tracer PC Command Line 1.0
PC>ping 192.168.3.2
Pinging 192.168.3.2 with 32 bytes of data:
Request timed out.
Request timed out.
Request timed out.
Request timed out.
Ping statistics for 192.168.3.2:
Packets: Sent = 4, Received = 0, Lost = 4 (100% loss),
PC>ping 192.168.3.3
Pinging 192.168.3.3 with 32 bytes of data:
Request timed out.
Request timed out.
Request timed out.
Request timed out.
Ping statistics for 192.168.3.3:
Packets: Sent = 4, Received = 0, Lost = 4 (100% loss),
PC>

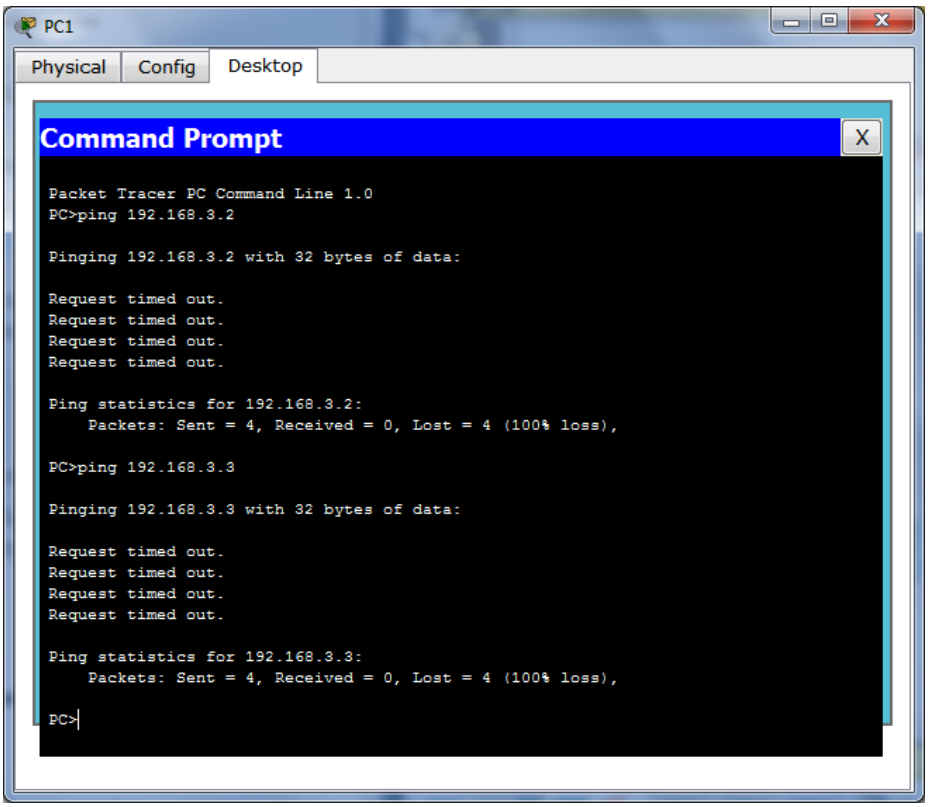
PC1
Physical
Config
Desktop
Command Prompt
X
Packet Tracer PC Command Line 1.0
PC>ping 192.168.3.2
Pinging 192.168.3.2 with 32 bytes of data:
Request timed out.
Request timed out.
Request timed out.
Request timed out.
Ping statistics for 192.168.3.2:
Packets: Sent = 4, Received = 0, Lost = 4 (100% loss),
PC>ping 192.168.3.3
Pinging 192.168.3.3 with 32 bytes of data:
Request timed out.
Request timed out.
Request timed out.
Request timed out.
Ping statistics for 192.168.3.3:
Packets: Sent = 4, Received = 0, Lost = 4 (100% loss),
PC>

Trong khi Ping tới PC2 và PC3 vẫn thực hiện được

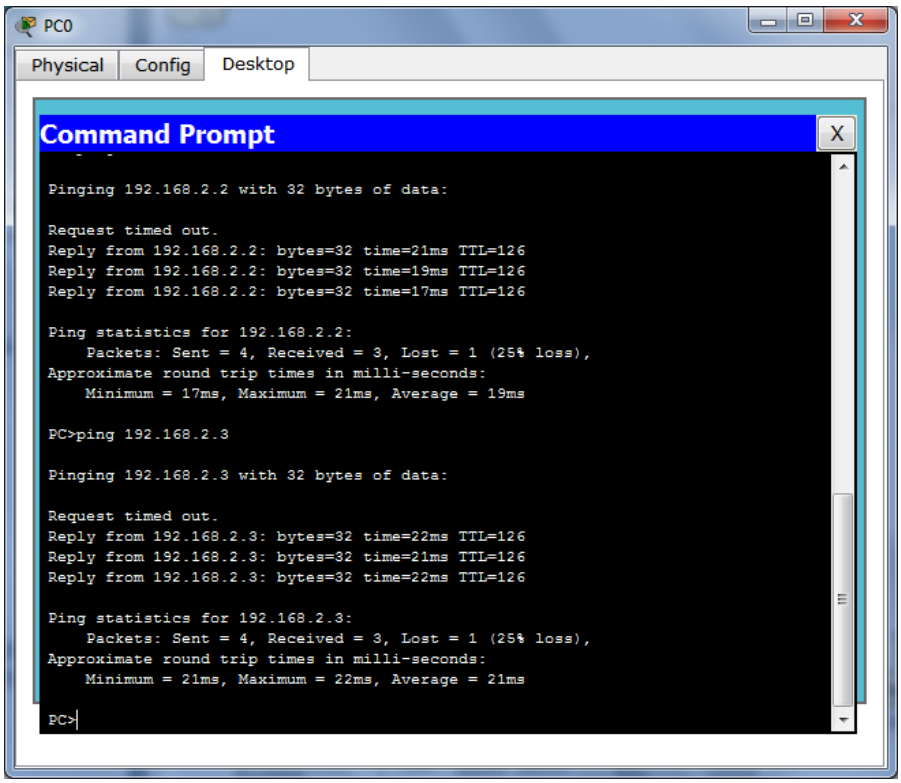

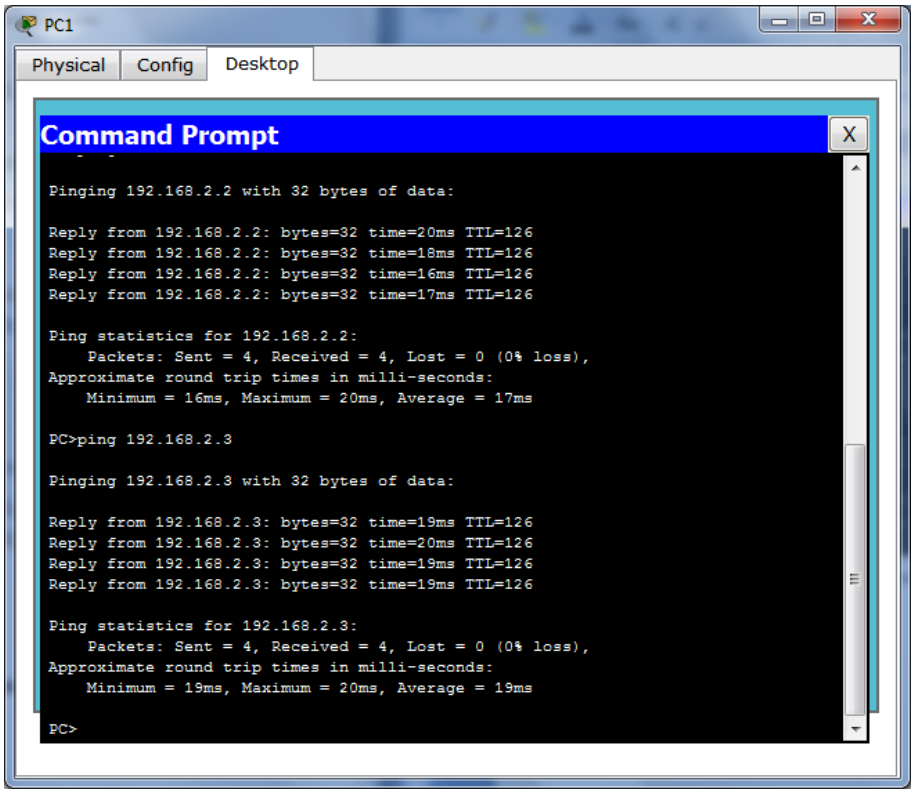

b. Access-List dạng extended

Áp dụng 2 :

Dùng extended access-list cấm PC1 đến mạng LÀN

➔ Ta đặt access-list này tại cổng fa0/0 của R0

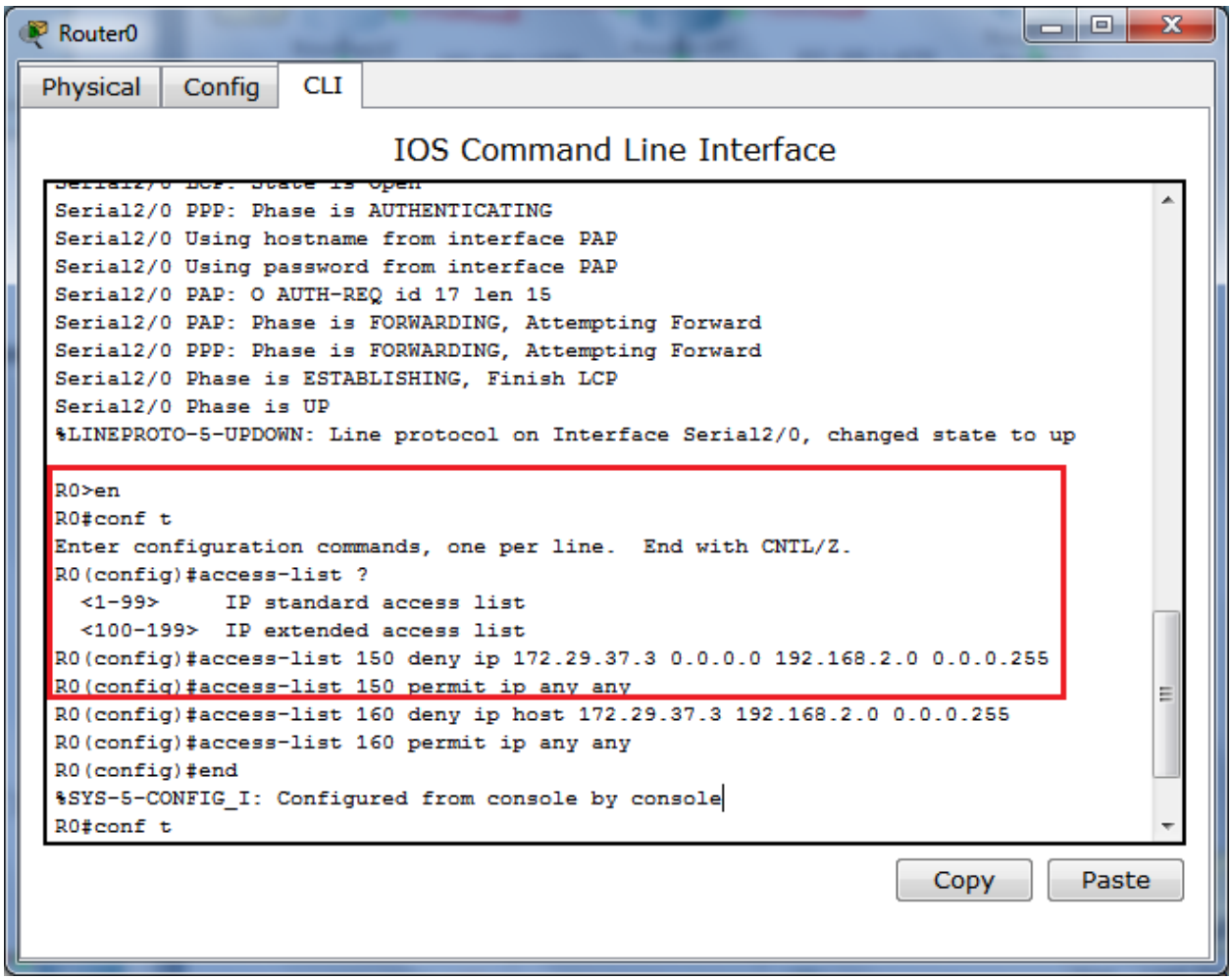

Xây dựng 1 access-list khác co tính năng tương tự

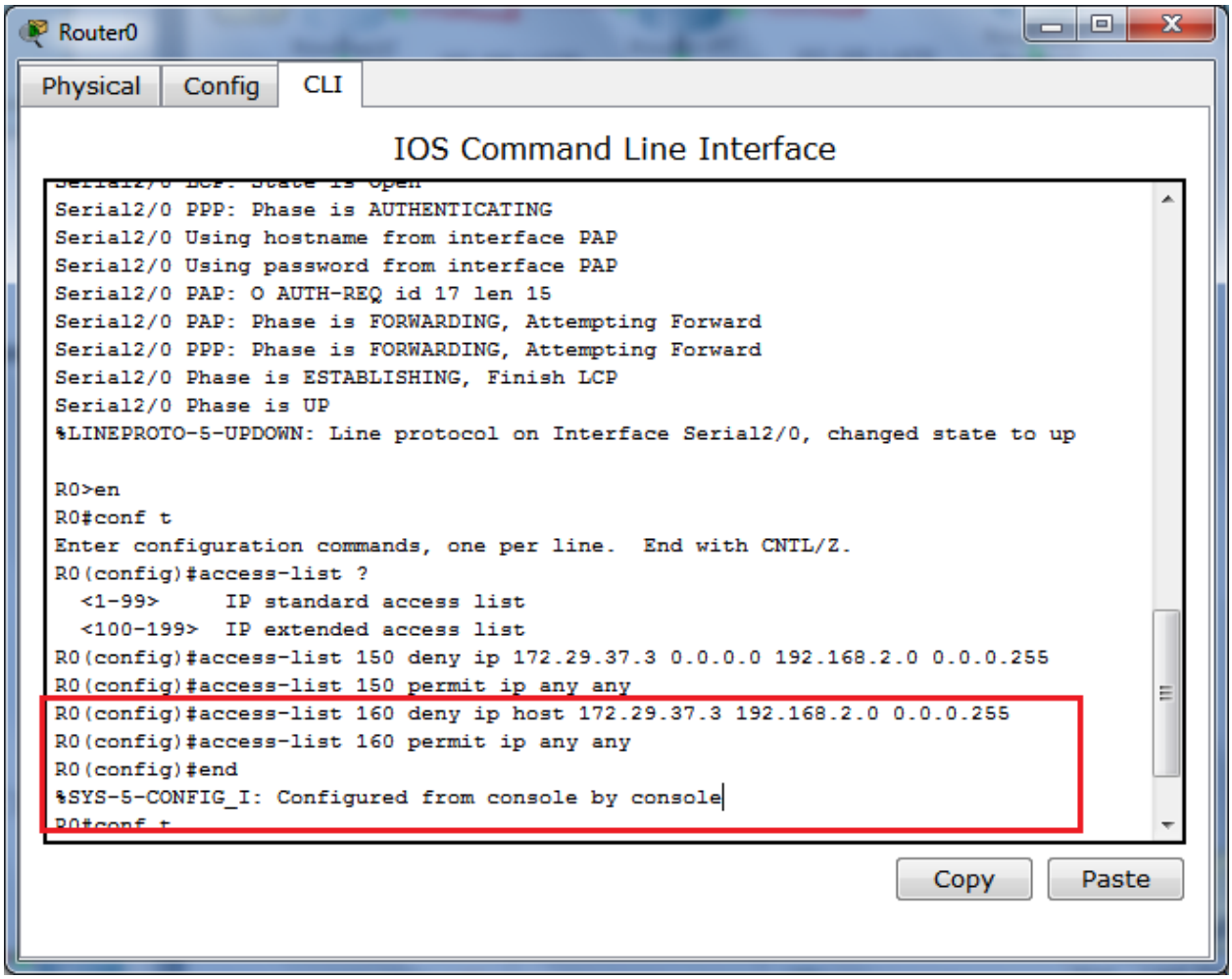

Áp dụng access-list này vào cổng fa0/0 theo chiều in :

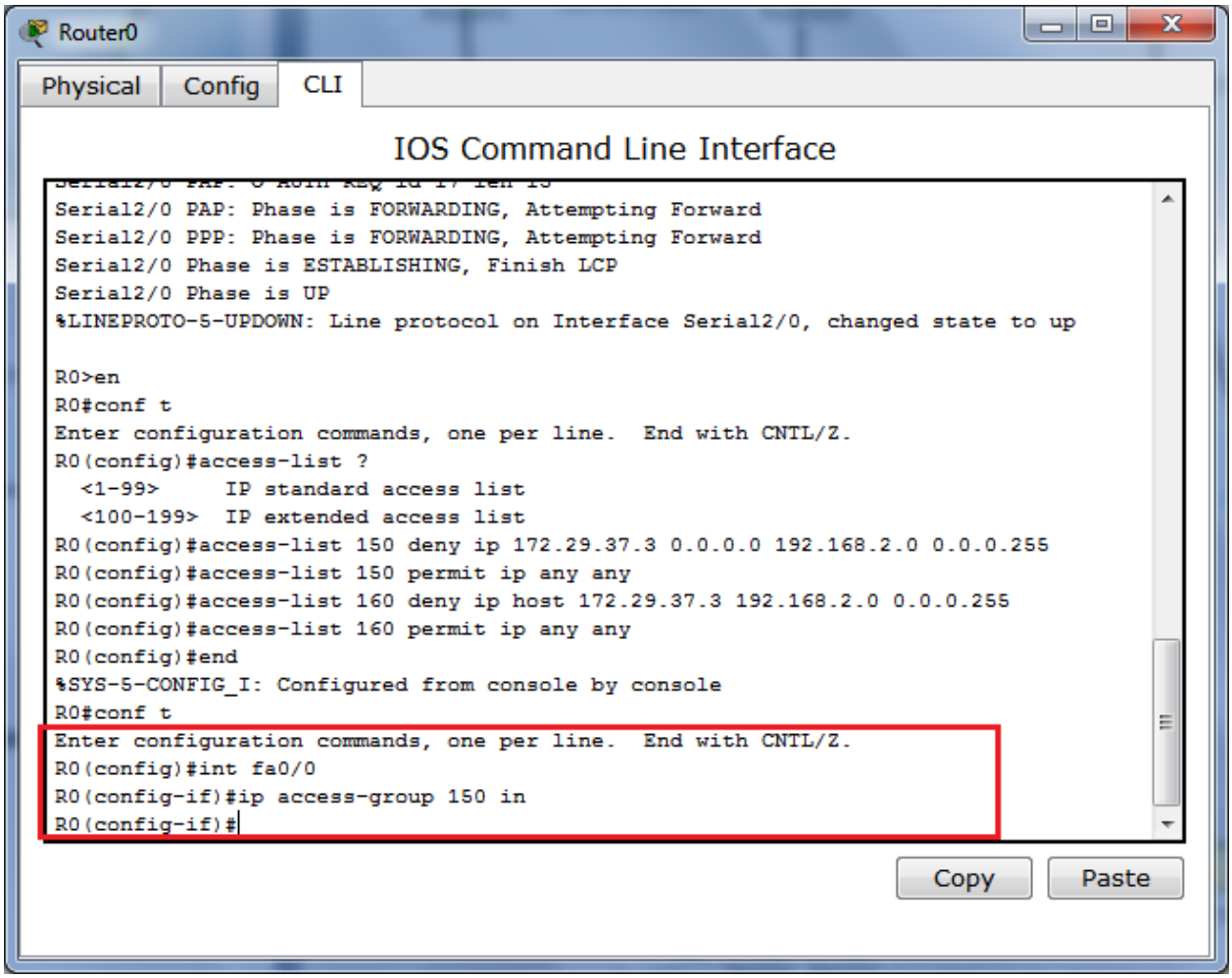

Thử nghiệm :

Ping từ PC1 đến mạng LAN2 không thành công

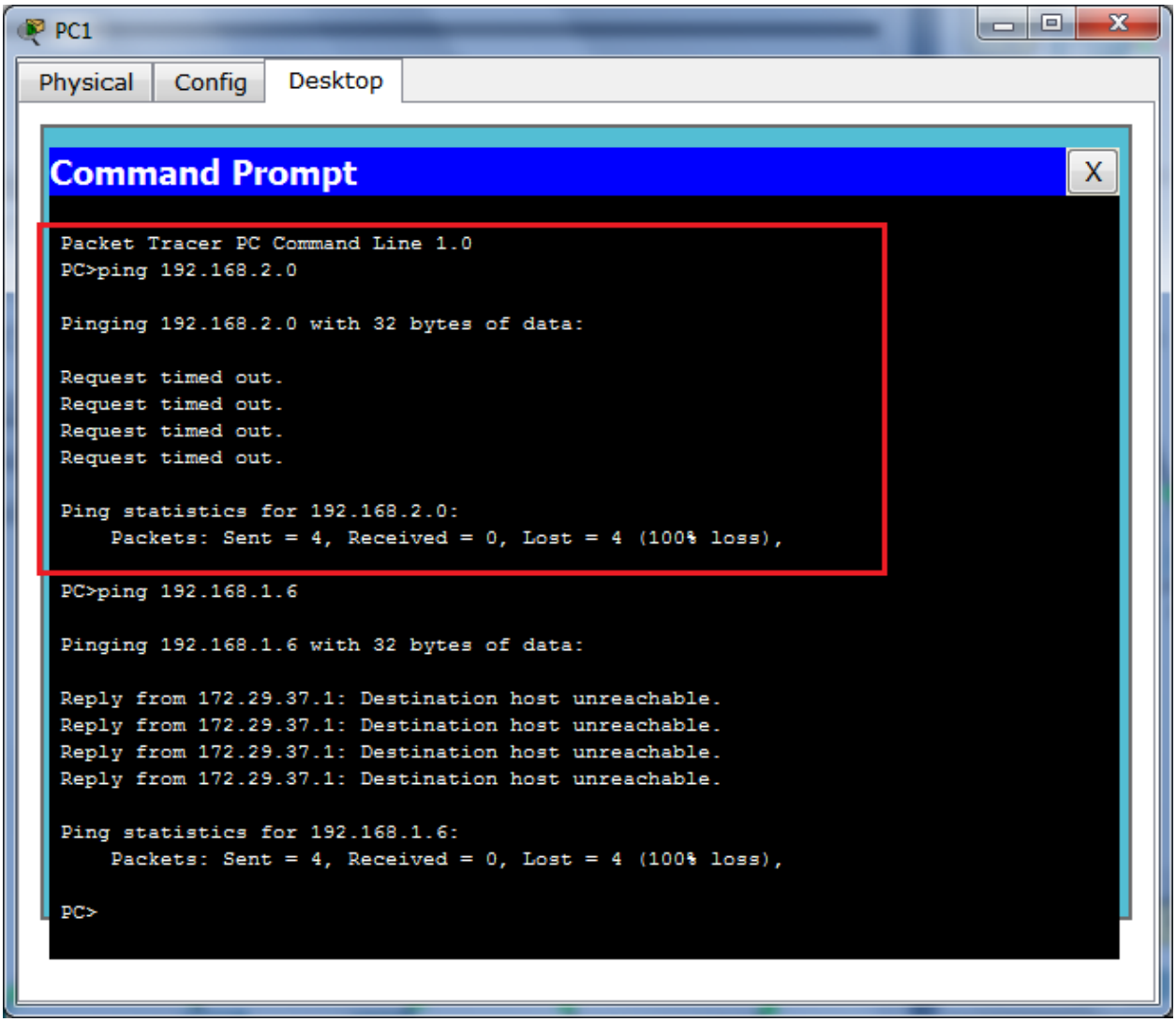

Ping từ PC0 đến mạng LAN2 thành công

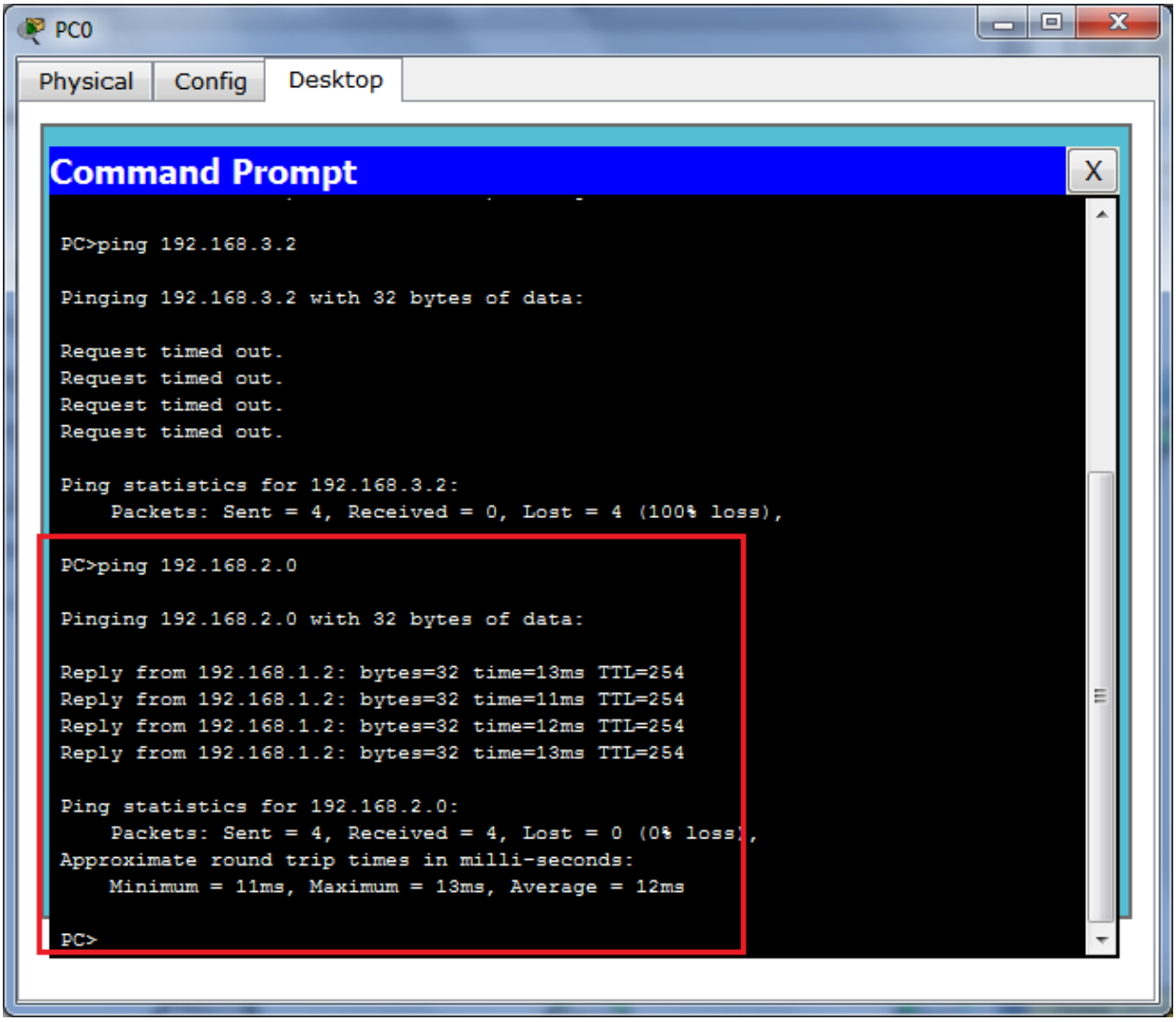

Áp dụng 3 :

Cấm Router PC4 (192.168.3.2/24) connect đến dịch vụ FPT trên PC1.

Ta chặn trên Router 2 :

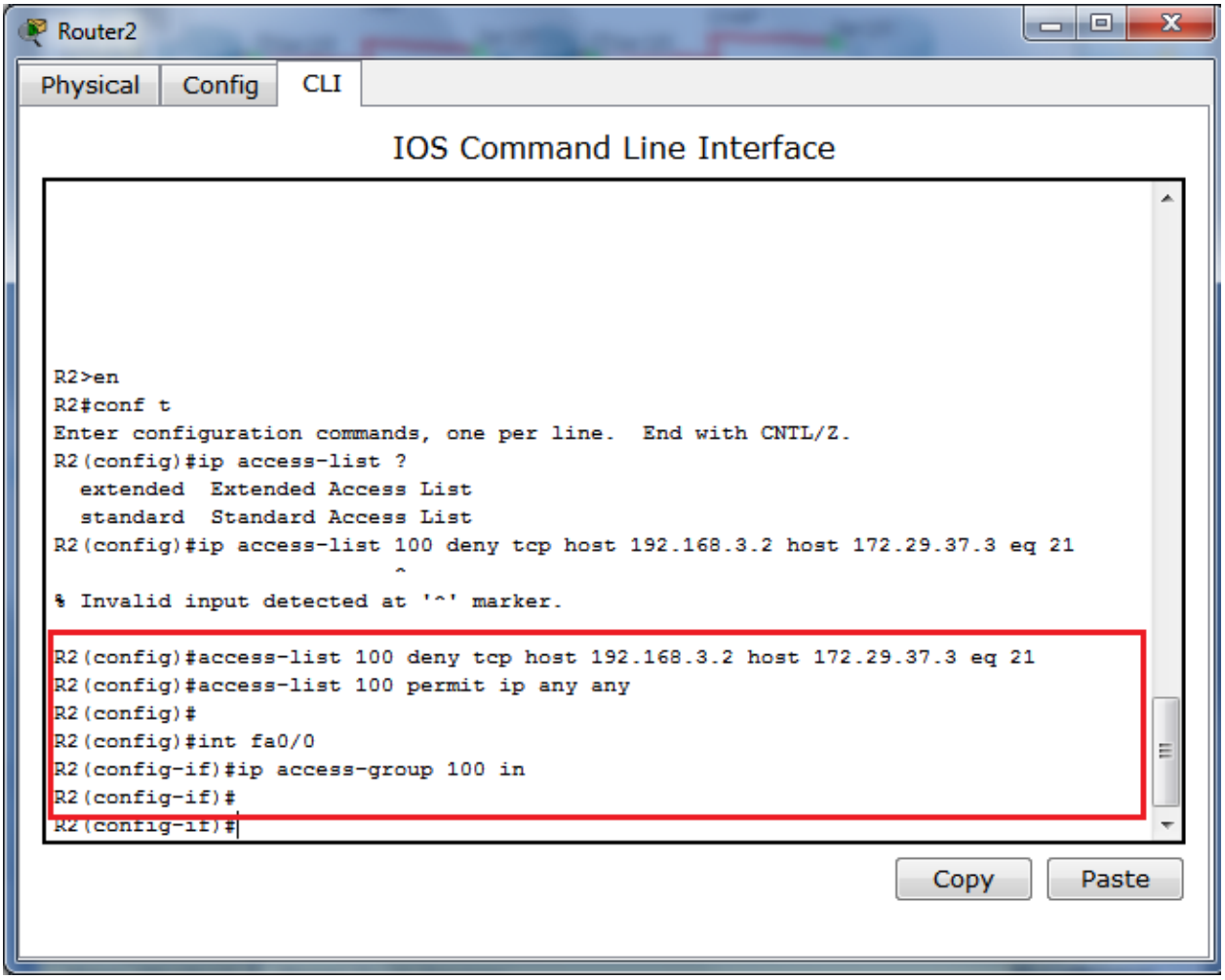

c. Access-List dạng tên

Áp dụng 4 :

Cấm Router1 có ip 192.168.1.5 telnet đến Router2
Giả sử ta đặt access-list này tại Router2
Ta tạo 1 list access-list dạng tên :

```
R2#conf t
Enter configuration commands, one per line.  End with CNTL/Z.
R2(config)#ip access-list ?
  extended  Extended Access List
  standard  Standard Access List
R2(config)#ip access-list
```

Copy Paste

Có thể dùng từ khóa standard hoặc extended để cho biết loại access-list.

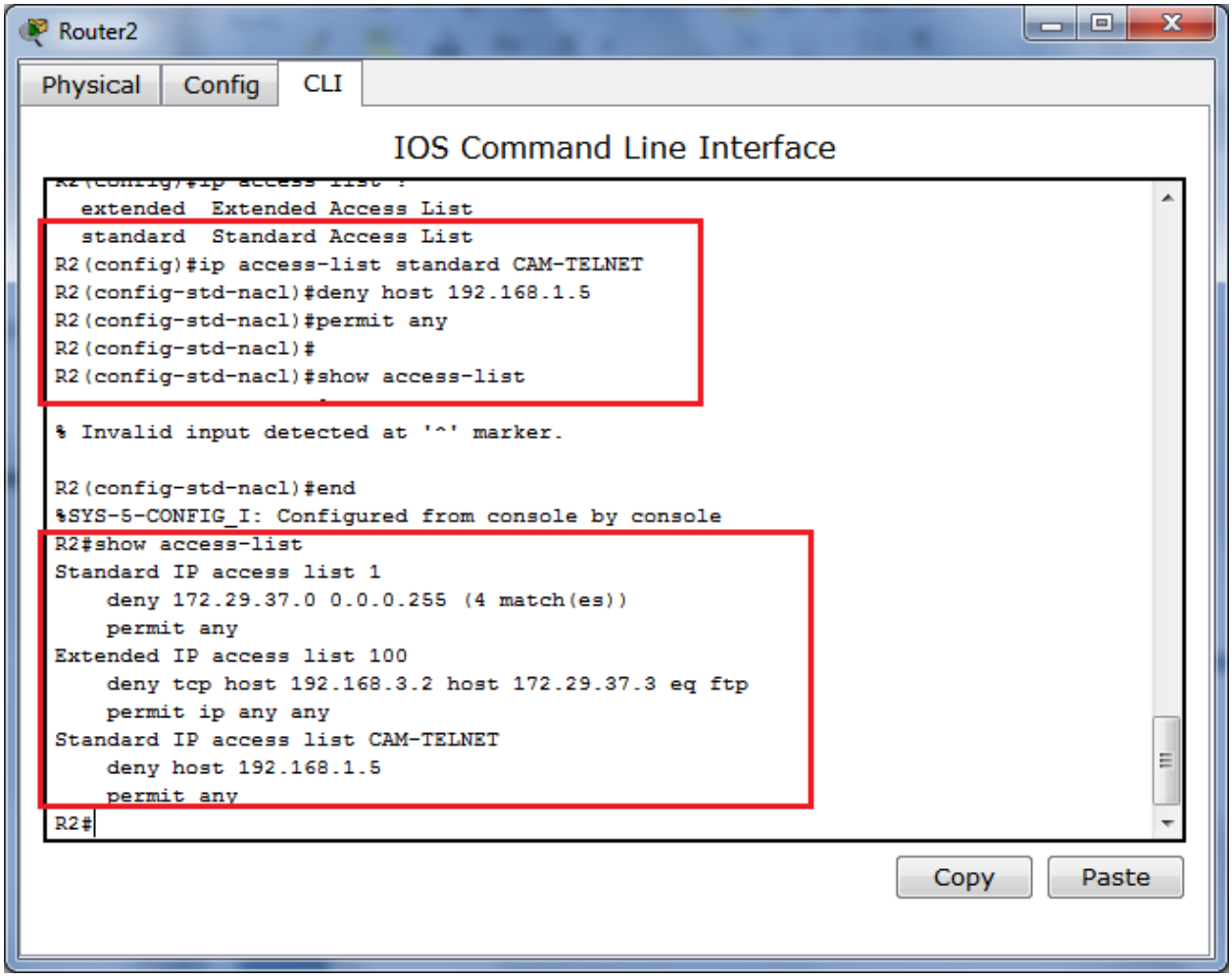

Thực nghiệm :

Cấu hình Telnet :

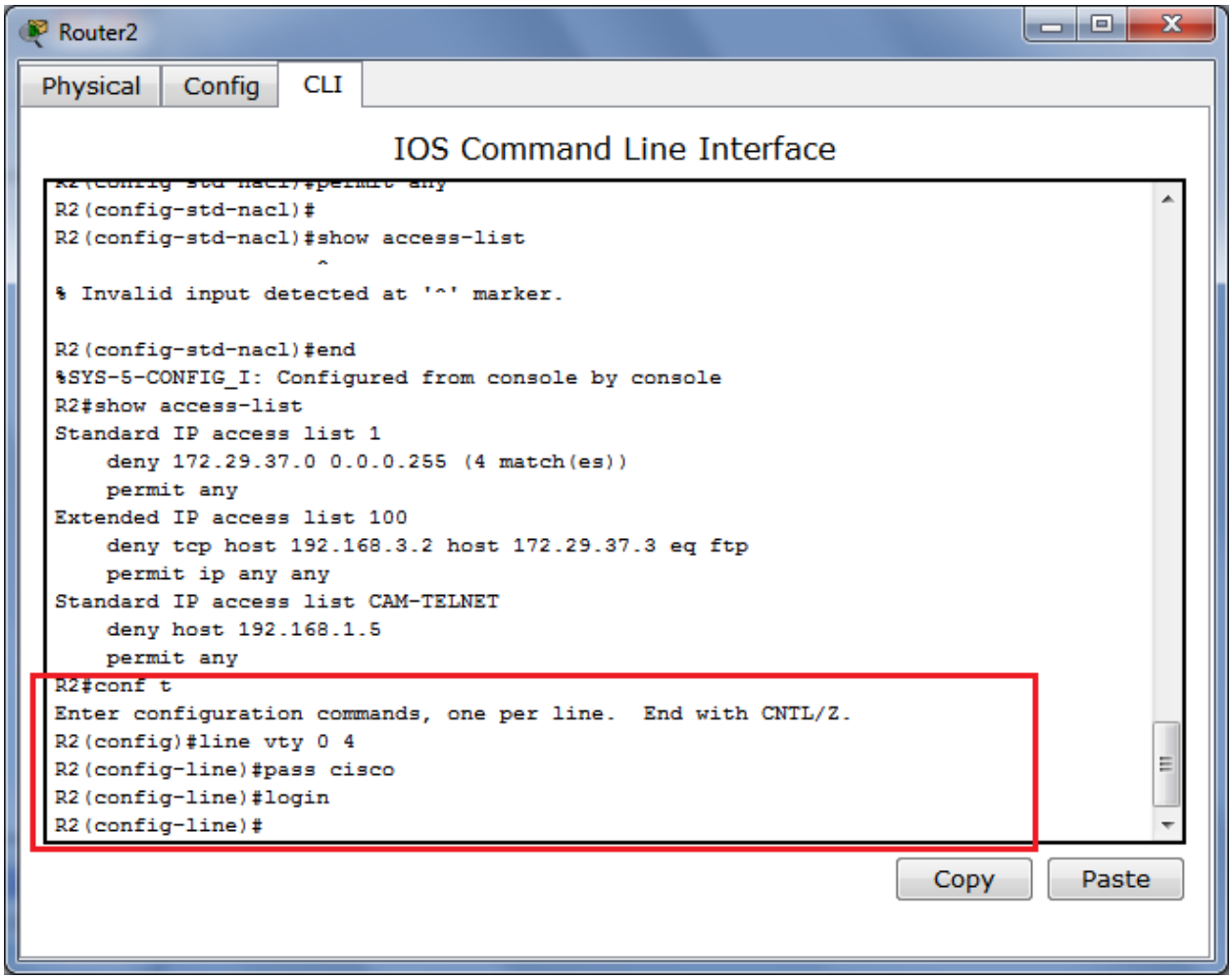

Từ R1 telnet đến R2

Áp dụng access-list vào cổng telnet, ta có thể dùng câu lệnh dành riêng : access-class

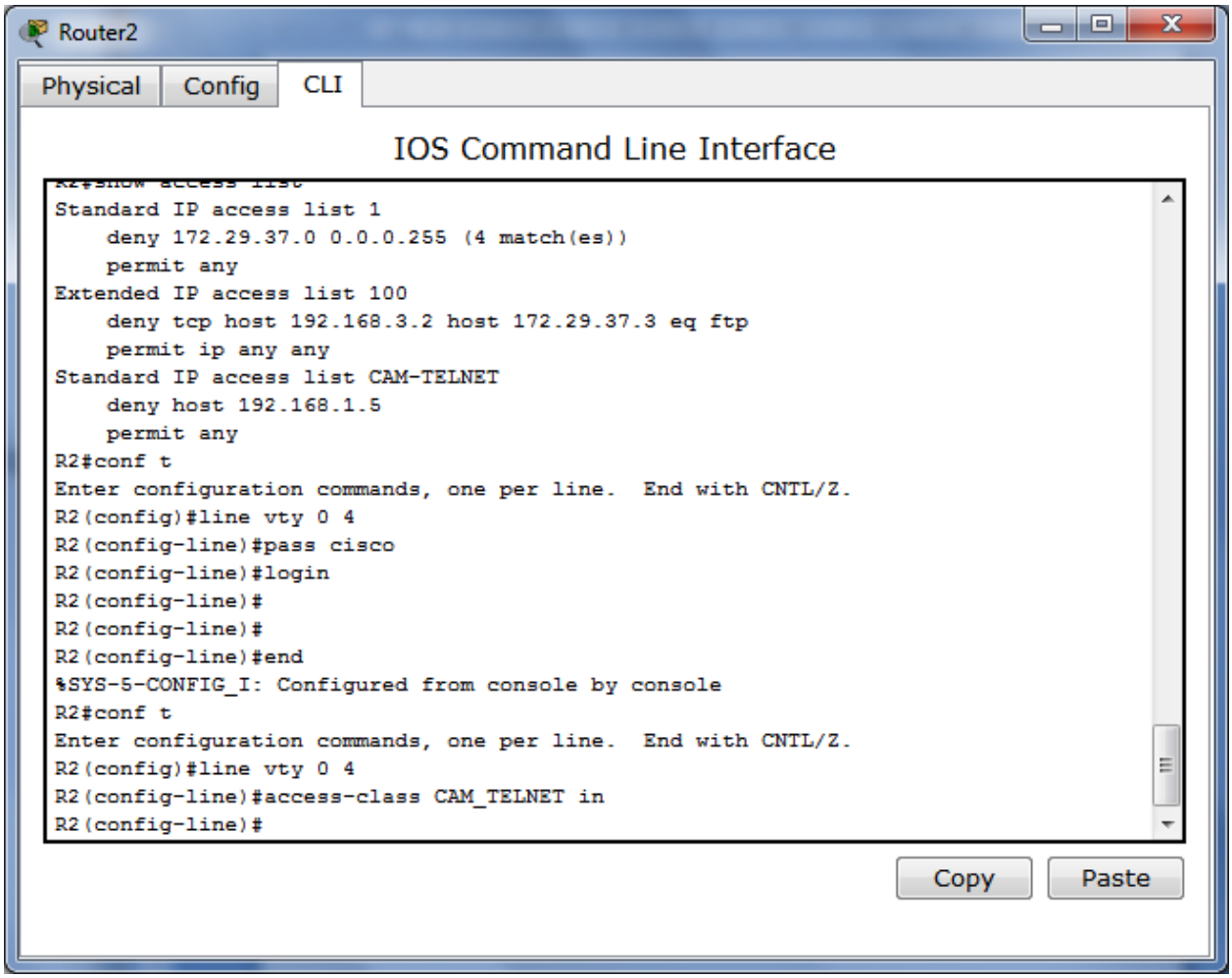

Lúc này telnet từ R1 đến R2 không thành công

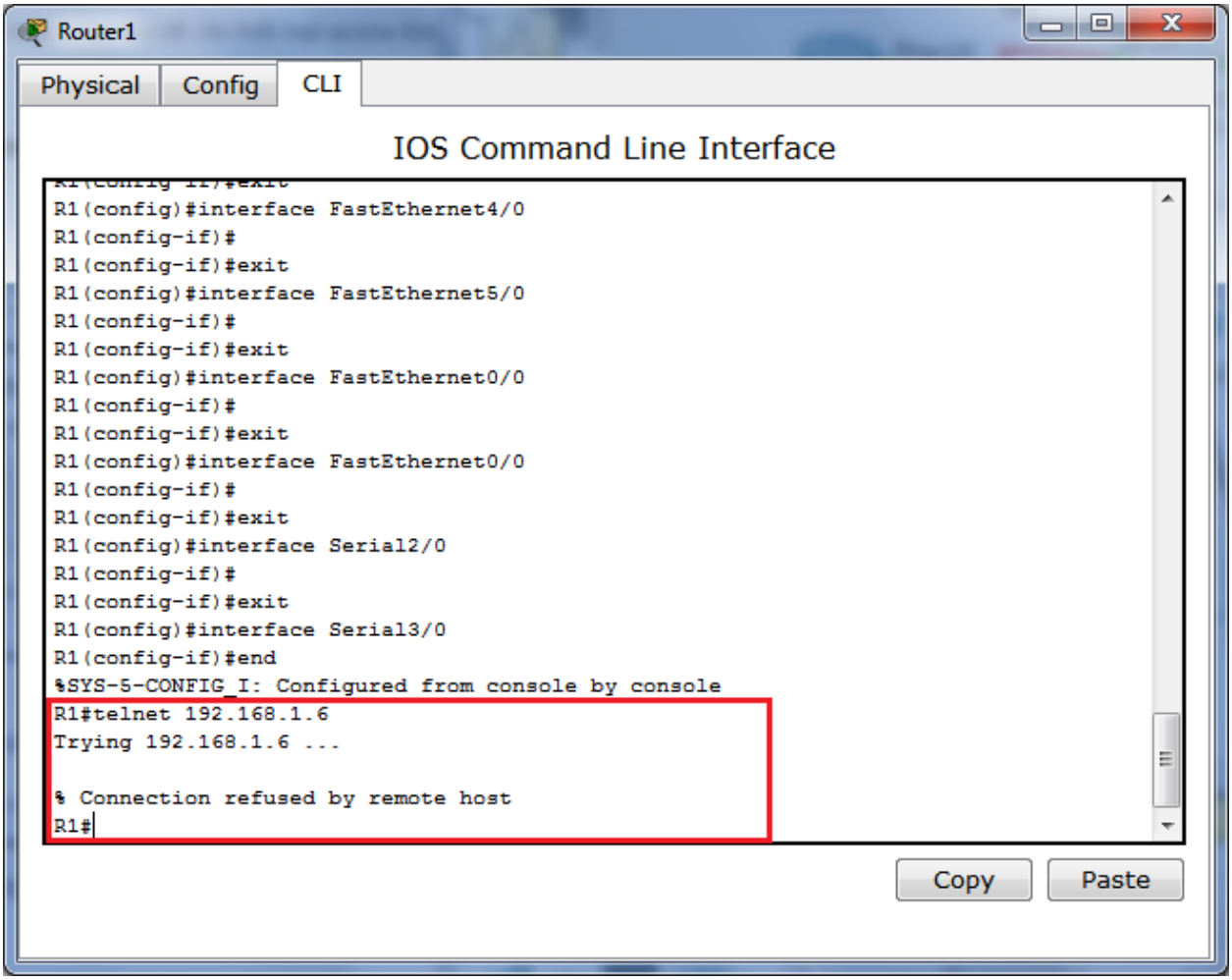

--- HẾT ---